

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 232/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 9 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Xuân Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Thanh Long

2. Ông Phạm Hoàng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **92**/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Thanh T

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị K

Địa chỉ: ấp T, xã H, thành phố V, Tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đoàn Thanh T trình bày: Ông và bà Lê Thị K chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã V, tỉnh Cần Thơ (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thành phố V, tỉnh Hậu Giang) vào ngày 11/11/2002. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến và quan điểm sống, bà K thường xuyên vắng nhà nên vợ chồng ông bà thường xuyên cãi vã và không quan tâm đến nhau.

Ông đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thể hàn gắn được. Do đó, từ năm 2015, ông bà sống ly thân cho đến nay. Vì vậy, ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị K.

Về con chung: 02 con chung tên là Lê Thanh L, (giới tính: Nam), sinh ngày 16/6/1997; Đoàn Lê Nhựt H (giới tính: Nam) sinh ngày 02/03/2003; ông yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Lê Nhựt H, không yêu cầu bà K phải cấp dưỡng. Do cháu Lê Thanh L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Từ khi Tòa án thụ lý đến khi giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị K vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bà K vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục theo quy định và phát biểu nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Ông Đoàn Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Lê Thị K và được quyền nuôi con chung nên Tòa án xác định đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn bà Lê Thị K cư trú ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về xét xử vắng mặt:* Bị đơn bà Lê Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà K.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Đoàn Thanh T và bà Lê Thị K đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã V, tỉnh Cần Thơ vào năm 2002. Do đó, hôn nhân giữa ông T và bà K là hợp pháp. Ông T yêu cầu ly hôn với bà K là do bà K thường xuyên vắng

nhà, không quan tâm đến gia đình. Do đó, ông bà đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, ông T có tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không được. Vì vậy, ông T cương quyết xin ly hôn. Trong khi đó, bà K vẫn bỏ mặc và cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến. Trước đây, bà K cũng đã từng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L giải quyết ly hôn với ông T. Điều đó, chứng tỏ tình cảm của bà K đối với ông T cũng không còn. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa ông T và bà K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, cho ông T ly hôn với bà K là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về con chung*: Quá trình chung sống, ông T và bà K có 02 con chung là Lê Thanh L, (giới tính: Nam), sinh ngày 16/6/1997; Đoàn Lê Nhựt H (giới tính: Nam) sinh ngày 02/03/2003. Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/8/2019, cháu Đoàn Lê Nhựt H có nguyện vọng được sống chung với cha, được cha chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu Đoàn Lê Nhựt H (giới tính: Nam), sinh ngày 02/03/2003 cho Ông Đoàn Thanh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo tốt nhất quyền lợi cho cháu Hào và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Cháu Lê Thanh L đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] *Về cấp dưỡng*: Do ông T chưa có yêu cầu trong vụ án này nên Tòa án chưa xem xét giải quyết.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông T trình bày không có và cũng không yêu cầu, bà K chưa có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[8] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Đoàn Thanh T .

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Thanh T được ly hôn với bà Lê Thị K.
2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Lê Nhựt H (giới tính: Nam), sinh ngày 02/03/2003 cho ông Đoàn Thanh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lê Thị K chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do ông Đoàn Thanh T chưa yêu cầu. Bà Lê Thị K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung và nợ chung: do chưa có yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.
4. Về án phí: Buộc nguyên đơn ông Đoàn Thanh T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai số 0020434 ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí, ông T không phải nộp thêm.
5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- UBND phường A, thành phố V, tỉnh Hậu Giang;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Xuân Tình

